

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-10- 2018
V/v Tranh chấp về ly hôn và nuôi con.
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Một;
2. Bà Nguyễn Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con; tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Hồng T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 112 đường N, khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thảo Q, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Số 112 đường N, khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Văn R - Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Huỳnh Thị Đông Như Y, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Số 45 đường L, khu phố M, phường N, thị xã X, tỉnh Tiền Giang; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Số 45 đường L, khu phố M, phường N, thị xã X, tỉnh Tiền Giang (văn bản ủy quyền ngày 15/6/2018)

3.2. Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Số 45 đường L, khu phố M, phường N, thị xã X, tỉnh Tiền Giang; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 23 tháng 02 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Võ Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 15 tháng 12 năm 2013. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng từ tháng 9 năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trở nên nghiêm trọng do chị T phát hiện anh Q có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, mâu thuẫn từ việc tiền bạc, kinh tế gia đình... dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc; cũng từ đó anh chị không còn sống chung cho đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thảo Bảo A, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2015. Hiện con chung đang sống chung với chị T.

Nay ly hôn chị T có yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thảo N và chị Nguyễn Thị Đông Như Y: Chị thống nhất xác nhận chị và anh Q có nợ của chị Như Y và chị Thảo N số tiền tổng cộng 900.000.000 đồng đúng theo nội dung đoạn ghi âm trao đổi giữa chị và bà M (mẹ chồng chị) do anh Q và chị Như cung cấp cho Tòa.

Nay chị đồng ý cùng anh Q có trách nhiệm trả nợ cho chị Như Y và chị Thảo N; trong đó nợ chị Như Y là 525.000.000 đồng và chị Thảo N là 375.000.000 đồng. Tổng cộng 900.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Bị đơn anh Nguyễn Thảo Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q xác định anh và chị T tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2013. Quá trình anh chị chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên anh chị không còn sống chung từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Nay anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T có đơn xin ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thảo Bảo A, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2015. Hiện con chung đang sống chung với chị T.

Nay ly hôn, anh Q cũng có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Vào ngày 22 tháng 3 năm 2018 anh Q có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Đến ngày 06 tháng 8 năm 2018 anh Q tự nguyện rút yêu cầu phản tố nên tài sản chung và nợ chung để anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thảo N và chị Nguyễn Thị Đông Như Y: Anh xác nhận những lần chị Như Y và chị Thảo N chuyển tiền thì người nhận tiền chính là anh nên anh xác nhận số tiền nợ trên là nợ chung của vợ chồng; vợ chồng anh khi vay mượn tiền của chị Thảo N và chị Như Y để làm vốn kinh doanh nhưng không có làm giấy tờ, chỉ có chứng từ chuyển khoản. Do đó, anh có cung cấp đoạn ghi âm cuộc trò chuyện giữa mẹ anh (bà M) với chị T về việc chị T có thừa nhận còn nợ số tiền 900.000.000 đồng của chị Tư (chị Như Y).

Do đó, anh Q thống nhất cùng chị T có trách nhiệm trả nợ cho chị Như Y số tiền là 525.000.000 và chị Thảo N số tiền là 375.000.000 đồng. Tổng cộng 900.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa – Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thảo N trình bày: Chị Như là chị ruột của anh Q, chị Như cho vợ chồng anh Q vay tiền nhiều lần thông qua hình thức chuyển khoản từ năm 2015 đến năm 2017 với 4 lần chuyển khoản có chứng từ sao kê, người nhận là anh Q; Ngoài chứng từ chuyển khoản thì chị có ghi âm lại đoạn trao đổi với chị T, chị T có xác nhận nợ của chị tư (là chị Như) số tiền 900.000.000 đồng nhưng thực tế chị Như là người trực tiếp chuyển khoản số tiền 375.000.000 đồng còn chị Huỳnh Thị Đông Như Y chuyển 628.815.000 đồng;

Nay chị Như yêu cầu anh Q, chị T cùng có trách nhiệm trả số tiền vay là 375.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

Đại diện theo ủy quyền của chị Như Y, chị Như trình bày: Chị Huỳnh Thị Đông Như Y là bạn của chị Thảo N nên chị có quen biết với vợ chồng anh Q. Chị Như Y cho vợ chồng anh Q vay tiền nhiều lần thông qua hình thức chuyển khoản từ năm 2016 đến năm 2017 với 5 lần chuyển khoản có chứng từ sao kê với số tiền vay là 628.815.000 đồng, người nhận là anh Q. Nay chị rút lại một phần yêu cầu: Do chị T, anh Q thừa nhận có nợ của chị Như và chị Ý tổng cộng 900.000.000 đồng theo nội dung đoạn ghi âm nên chị Như Y chỉ yêu cầu vợ chồng anh Q cùng có trách nhiệm trả số tiền vốn là 525.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Võ Thị Hồng T đối với anh Nguyễn Thảo Q; về con chung: giao con chung tên Nguyễn Thảo Bảo A, sinh năm: 2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu của chị Nguyễn Thị Đông Như Y và chị Nguyễn Thị Thảo N: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Đông Như Y và chị Nguyễn Thị Thảo N. Buộc chị Võ Thị Hồng T và anh Nguyễn Thảo Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị Huỳnh Thị Đông Như Y số tiền 525.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng), trong đó anh Q có trách nhiệm trả 262.500.000 đồng và chị T có trách nhiệm trả 262.500.000 đồng. Ghi nhận chị Như Y không yêu cầu tính lãi; có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thảo N số tiền 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), trong đó anh Q có trách nhiệm trả 187.500.000 đồng và chị T có trách nhiệm trả 187.500.000 đồng. Ghi nhận chị Thảo N không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thảo Q có yêu cầu Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp. Tuy nhiên tại phiên tòa, Luật sư vắng mặt và anh Q có đơn từ chối Luật sư bảo vệ nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị Hồng T và anh Nguyễn Thảo Q tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 12 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T và anh Q thống nhất xác nhận quá trình anh chị chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc nên chị T xin ly hôn với anh Q. Do đó có đủ cơ sở để xác định tình nghĩa vợ chồng giữa chị T và anh Q không còn, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T và anh Q tự nguyện ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thảo Bảo A, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2015.

Xét thấy, trong quá trình anh Q chị T không còn sống chung thì cháu Bảo Anh sống chung với chị T; con chung của anh chị là nữ và còn quá nhỏ (03 tuổi 04 tháng), chị T có công việc ổn định và có điều kiện để nuôi con. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Bảo Anh và tạo điều kiện sống ổn định, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần của con chung sau khi anh chị ly hôn nên giao cháu Bảo Anh cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con;

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Thảo Q.

[5] *Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Chị Nguyễn Thị Đông Như Y và chị Nguyễn Thị Thảo N yêu cầu anh Q, chị T cùng có trách nhiệm trả số tiền vay tổng cộng 900.000.000 đồng. Xét thấy chị Như Y, chị Thảo N và anh Q, chị T đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận với nhau về nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Cụ thể như sau: Chị Võ Thị Hồng T và anh Nguyễn Thảo Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị Huỳnh Thị Đông Như Y số tiền 525.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng), trong đó anh Q có trách nhiệm trả 262.500.000 đồng và chị T có trách nhiệm trả 262.500.000 đồng; ghi nhận chị Như Y không yêu cầu tính lãi; anh Q, chị T có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thảo N số tiền 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), trong đó anh Q có trách nhiệm trả 187.500.000 đồng và chị T có trách nhiệm trả 187.500.000 đồng; ghi nhận chị Thảo N không yêu cầu tính lãi.

[6] *Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát*: Xét thấy đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát là phù hợp với tình tiết, nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Chị Võ Thị Hồng T, anh Nguyễn Thảo Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56 và Điều 81; 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Võ Thị Hồng T đối với anh Nguyễn Thảo Q.

Chị T được ly hôn với anh Q; chị T và anh Q không còn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thảo Bảo A, sinh năm: 2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con;

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết;

4. Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình: Chị Võ Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005060 ngày 27-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Công nhận sự thỏa thuận về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa chị Nguyễn Thị Đông Như Y và chị Nguyễn Thị Thảo N đối với Chị Võ Thị Hồng T, anh Nguyễn Thảo Q.

Chị Võ Thị Hồng T và anh Nguyễn Thảo Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị Huỳnh Thị Đông Như Y số tiền 525.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng), trong đó anh Q có trách nhiệm trả 262.500.000 đồng và chị T có trách nhiệm trả 262.500.000 đồng; ghi nhận chị Như Y không yêu cầu tính lãi;

Chị Võ Thị Hồng T và anh Nguyễn Thảo Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thảo N số tiền 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), trong đó anh Q có trách nhiệm trả 187.500.000 đồng và chị T có trách nhiệm trả 187.500.000 đồng; ghi nhận chị Thảo N không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị Ý và chị Như có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Q, chị T chưa thi hành số tiền nêu trên theo thỏa thuận thì hàng tháng anh Q, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Q, chị T mỗi người chịu 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Huỳnh Thị Đông Như Y không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại cho chị Như Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.576.300 đồng (Mười bốn triệu năm trăm

bảy mươi sáu nghìn ba trăm đồng) theo biên lai thu số 0005562 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Chị Nguyễn Thị Thảo N không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại cho chị Như số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.375.000 (Chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005561 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh hoàn trả lại cho anh Nguyễn Thảo Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 0005389 ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

7. Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tiếp theo ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nguyễn Văn Lắm